

LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC

(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Làm quen với biểu thức, giá trị của biểu thức.
- Tính giá trị của các biểu thức đơn giản.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ.

B. Thiết bị dạy học

GV: Băng giấy màu trắng và ba băng giấy màu như SGK (được phóng to: cm \rightarrow dm).

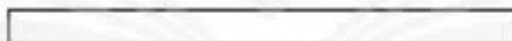


C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV nói, HS viết phép tính trên băng con.

- GV: Có một băng giấy trắng (GV gắn băng giấy lên bảng).



- GV: Tô 2 dm giấy là màu xanh (GV dán 1 băng màu xanh tương trưng cho việc tô màu).



HS viết: $2 + 2$.

- GV: Tô thêm 2 dm màu xanh (GV dán thêm 1 băng màu xanh).



HS viết: $2 + 2 + 2$.

- GV: Tô tiếp 3 dm màu cam thì vừa kín băng giấy (GV dán băng màu cam).



HS viết: $2 + 2 + 3$.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu biểu thức

- GV chọn một băng con của HS gắn lên bảng lớp và giới thiệu: $2 + 2 + 3$ là một biểu thức.
- GV nói: Các tổng, hiệu, tích, thương cũng có tên gọi chung là biểu thức.

- GV viết bảng:
 $60 - 24$; $170 + 65$; 5×4 ; $16 : 2$; $2 + 2 + 3$; $2 \times 2 + 3$; ... là các biểu thức.
 GV viết tới đâu, HS nói tới đó. Chẳng hạn:
 GV viết: $60 - 24 \rightarrow$ HS nói: $60 - 24$ là một biểu thức.
- GV: Băng giấy trắng lúc đầu dài bao nhiêu đề-xi-mét?
 HS tính: $2 + 2 + 3 = 7$ và trả lời: Băng giấy trắng lúc đầu dài 7 dm.

2. Giới thiệu giá trị của biểu thức

- GV giới thiệu: Kết quả của biểu thức gọi là *giá trị của biểu thức*.
- GV viết bảng:
 $2 + 2 + 3 = 7$.
 Giá trị của biểu thức $2 + 2 + 3$ là 7.
 (HS đọc nhiều lần.)
- GV chỉ vào hai biểu thức đơn giản, HS nói:
 - $5 \times 4 = 20$.
 Giá trị của biểu thức 5×4 là 20.
 - $16 : 2 = 8$.
 Giá trị của biểu thức $16 : 2$ là 8.

3. Thực hành

Bài 1:

- HS nhóm đôi **tim hiểu** mẫu rồi **thực hiện**.
- HS **tính** giá trị của biểu thức (bảng con) rồi **nói** (theo mẫu).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS **đọc** yêu cầu, **xác định** việc phải làm.
 - HS **thực hiện** cá nhân.
 - Sửa bài, HS **trình bày**.
- Ví dụ: $742 - 42 + 159 = 859$ (HS làm từ trái sang phải như đã học ở lớp dưới).

Nói theo mẫu câu: *Giá trị của biểu thức ... là ...*

hay: *... là giá trị của biểu thức ...*

Bài 2:

- HS **tim hiểu** đề bài: **nhận biết** yêu cầu.
- HS **tim** cách thực hiện: Tính giá trị của biểu thức ở cột bên trái.
- HS **thực hiện**.
- Sửa bài: GV có thể đọc từng biểu thức, HS viết giá trị phù hợp vào bảng con.

CỦNG CỐ

Trò chơi HỎI NHANH – ĐÁP GỌN

GV chuẩn bị sẵn một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một biểu thức có thể tính nhẩm.

GV đưa bảng con, HS nói giá trị của biểu thức.

Ví dụ: $370 + 30 - 400 = 0$.

HS nói: Giá trị của biểu thức $370 + 30 - 400$ là 0.

TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC (1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Tính giá trị của biểu thức số chỉ có phép tính cộng, trừ hoặc chỉ có phép tính nhân, chia và không có dấu ngoặc.

– Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính toán.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ, nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

– HS **quan sát** hình ảnh dấu trang sách.

– GV kể một câu chuyện để dẫn dắt các em viết biểu thức biểu thị số con vịt sau cùng.

+ Lúc đầu trong hồ có 14 con vịt đang vui chơi (HS **viết** trên bảng con: 14).

+ Sau đó có 5 con vịt lên bờ để ria lông (HS **viết** tiếp: $14 - 5$).

+ Có 3 con vịt khác chạy tới, nhào xuống hồ (HS **viết** tiếp: $14 - 5 + 3$).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Hình thành quy tắc tính giá trị của biểu thức chỉ có phép tính cộng, trừ

– GV: Để tính số con vịt có trong hồ lúc này, ta tính giá trị của biểu thức $14 - 5 + 3$.

– GV giới thiệu thứ tự thực hiện các phép tính, chính xác hoá nội dung HS đã được học ở các lớp dưới (vừa nói vừa viết bảng):

Nếu trong biểu thức chỉ có các phép tính cộng, trừ thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

– GV hướng dẫn tính giá trị của biểu thức và cách trình bày.

+ Biểu thức này có mấy dấu phép tính? (Hai dấu phép tính: trừ và cộng.)

+ Ta tính theo thứ tự nào? (Trừ trước, cộng sau.)